

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ IV/2021

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Chi cục quản lý đất đai công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý IV như sau:

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý IV	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý IV nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí	123,00	28,19	22,92	39,64
1.2	Phí:	123,00	28,19	22,92	39,64
1.2.1	Phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng	28,00			
1.2.2	Phí thẩm định cấp Giấy phép hoạt động đo đạc bản đồ	95,00	28,19	29,67	164,76
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	77,70	19,73	25,40	58,77
2.1	Chi quản lý hành chính	77,70	19,73	25,40	58,77
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	46,62	11,84	25,40	58,77
a.1	Phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng	6,72			
a.2	Phí thẩm định cấp Giấy phép hoạt động đo đạc bản đồ	39,90	11,84	29,67	164,76
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	31,08	7,89	25,40	58,77
b.1	Phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng	4,48			
b.2	Phí thẩm định cấp Giấy phép hoạt động đo đạc bản đồ	26,60	7,89	29,67	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	45,30	8,46	18,67	22,53

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý IV	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý IV nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
3.2	Phí	45,30	8,46	18,67	22,53
3.2.1	Phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng	16,80			
3.2.2	Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc bản đồ	28,50	8,46	29,67	164,76
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	4.287,00	738,33	17,22	59,61
1	Chi quản lý hành chính	4.175,28	738,33	17,68	59,84
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.272,53	479,33	21,09	95,46
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.902,75	258,99	13,61	35,40
2	Chi sự nghiệp kinh tế	32,90			
3	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	32,82			
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	32,82			
	- Chi tập huấn	32,82			
4	Sử dụng nguồn cải cách tiền lương và nguồn thu tại đơn vị để chi trả lương cho số biên chế được UBND tỉnh giao	97,00			
4.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	46	18,29	39,76	
4.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	51			

Bình Định, ngày 05 Tháng 01 năm 2022

Người lập

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Dương Anh Vũ

